TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HS-ST
Ngày 13-3-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Toán.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Trí;

Ông Ngô Văn Khon.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2018/TLST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-HS, ngày 26 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

- Ngô Thành N, sinh năm 1983. HKTT và chổ ở hiện nay: Ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Tấn T1 và bà Đinh Ngọc Đ1; có vợ và một con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 16/11/2017, tạm giam ngày 19/11/2017 (Bị cáo có mặt).

- *Bị hại*: Anh Lê Quốc T2, sinh năm 1980 (Có mặt).

Chị Ngô Thị Y, sinh năm 1982 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã 5, huyện 6, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Bà Đinh Ngọc Đ1, sinh năm 1952 (Có mặt).

+ Ông Ngô Tấn T1, sinh năm 1950 (Có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp.

+ Chị Hứa Thị D, sinh năm 1982 (Có mặt), địa chỉ: Ấp 7, xã 8, huyện 9,

tỉnh Trà Vinh.

+ Anh Huỳnh Văn S, sinh năm 1987 (Có mặt), địa chỉ: Ấp 10, xã 11, huyện 12, tỉnh Đồng Tháp.

+ Chị Ngô Thị Minh T3, sinh năm 1979, địa chỉ: Ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt không có lý do).

- *Người tham gia tố tụng khác*:

Người làm chứng:

+ Cháu Lê Nhật H, sinh năm 2005 (Vắng mặt). Người đại diện hợp pháp của cháu H, anh Lê Quốc T2 là cha cháu H, địa chỉ: Ấp 4, xã 5, huyện 6, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt).

+ Anh Nguyễn Đình T4, sinh năm 1982, địa chỉ: Ấp 4, xã 5, huyện 6, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt).

+ Anh Phạm Tấn Đ2, sinh năm 1984, địa chỉ: Ấp 4, xã 5, huyện 6, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 09/6/2017, bị cáo Ngô Thành N điều khiển xe mô tô biển số 66V1 – 168.39 từ ấp Ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp đến nhà anh Lê Quốc T2 thuộc ấp 4, xã 5, huyện 6, tỉnh Đồng Tháp. Khi đến nhà anh T2 bị cáo gặp cháu Lê Nhật H là con anh T2. Bị cáo hỏi cháu H "Có ba, mẹ con ở nhà không?", H trả lời "Ba tôi đi chở cá thuê, còn mẹ tôi đi chợ", liền lúc đó, bị cáo nảy sinh ý định trộm ớt khô đem bán. Bị cáo ra trước nhà anh T2 nơi để nhiều bao ớt khô, không có ai coi giữ, bị cáo lấy 06 bao ớt khô (06 bao x 50kg = 300kg) đem ra trước nhà anh T2 rồi điện thoại cho anh Nguyễn Đình T4 là người chạy xe ba gác chở thuê đến, bị cáo cùng anh T4 khiêng 06 bao ớt khô lên xe chở đến vựa ớt Tấn Đ2 thuộc ấp 4, xã 5, huyện 6, tỉnh Đồng Tháp bán cho anh Phạm Tấn Đ2 với giá 57.000đ/1kg x 300kg = 17.100.000đ. Sau đó bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương và bị bắt ngày 16/11/2017. Tại Cơ quan điều tra bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại kết luận số: 34/KL-HD ngày 21/6/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự kết luận: 06 bao ớt khô có giá 58.000đ/1kg x 300kg = 17.400.000đ.

Tại bản cáo trạng số: 03/CT-VKS, ngày 31/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình đã truy tố bị cáo Ngô Thành N về tội: "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình giữ nguyên nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt từ 06 đến 09 tháng tù giam.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại anh T2, chị Y yêu cầu bị cáo bồi thường 6.000.000đ, gia đình bị cáo là bà Đinh Ngọc Đ1, ông Ngô Tấn T1 là cha, mẹ và chị D là vợ bị cáo đã bồi thường xong, bị hại không yêu cầu gì thêm.

Về vật chứng: Gồm xe mô tô biển số 66V1 – 168.39 của anh Huỳnh Văn S và chị Ngô Thị Minh T3. Hiện bị cáo đã bán cho người khác với giá 2.000.000đ, nhưng không biết họ, tên và địa chỉ nên không thu hồi được.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 16/6/2017, anh S trình bày: Xe mô tô biển số 66V1-168.93, sau khi anh ly hôn với chị T3, anh giao xe cho chị T3 quản lý sử dụng, nhưng chưa sang tên, sau đó chị T3 giao xe cho N sử dụng, về phần anh xem như anh cho N, không yêu cầu N phải trả lại. Đối với chị T3 hiện nay đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương, không biết địa chỉ, nơi cư trú, theo lời trình bày của bà Đ1 là mẹ chị T3 thì chị T3 đã cho N xe mô tô nêu trên.

Đối với anh Nguyễn Đình T4 là người chạy xe ba gác chở thuê 06 bao ớt khô để bán cho anh Phạm Tấn Đ2. Do cả hai không biết tài sản trên là do N trộm cắp mà có, nên cả hai không phạm tội.

Tại Đơn xin bãi nại ngày 25/12/2017 của anh T2 và tại phiên tòa, bị hại anh T2 và chị Y có ý kiến: Gia đình bị cáo N đã đến gia đình anh, chị thỏa thuận và bồi thường thiệt hại xong, do đó anh, chị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì thêm.

Tại phiên tòa bà Đ1, chị D có ý kiến: Xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền gia đình đã trả cho bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai, lời nhận tội của bị cáo N là phù hợp với lời khai của người bị hại, của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian, không gian và địa điểm xảy ra tội phạm, phù hợp với nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của chủ sở hữu, làm mất an ninh trật tự ở địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có đủ sức khỏe để lao động tạo thu nhập nuôi sống bản thân một cách chân chính, nhưng do không lo chí thú làm ăn mà lại muốn có tiền một cách nhanh chóng, nhằm

thỏa mãn nhu cầu cá nhân, nên đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 09/6/2017 tại nhà anh T2 và chị Y, số tiền bị cáo chiếm đoạt là 17.400.000đ.

[3] Xét thấy hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 nhưng các Điều khoản của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 có lợi cho bị cáo nên được áp dụng.

[4] Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội quy định: *"Các điều khoản của Bộ luật Hình sự năm 2015 xóa bỏ một tội phạm, một hình phạt, một tình tiết tăng nặng; quy định hình phạt nhẹ hơn, tình tiết giảm nhẹ mới; miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, xóa án tích và những quy định khác có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, đang bị điều tra, truy tố, xét xử hoặc đối với người đang được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt, xóa án tích".*

[5] Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, thì tội Trộm cắp tài sản quy định:

"1. *Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*;

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tác động gia đình khắc phục hậu quả và bị hại làm đơn bãi nại nên được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt là phù hợp với quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[7] Tuy nhiên, hành vi của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm trước pháp luật và cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định, nhằm răn đe giáo dục cho bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời để phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[8] Đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình đề nghị xét xử bị cáo Ngô Thành N về tội: "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử xem xét.

[9] Đối với ý kiến của người bị hại và ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, yêu cầu Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và

không yêu cầu bồi thường thêm về trách nhiệm dân sự là phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[10] Xe mô tô biển số 66V1 – 168.39 của anh Huỳnh Văn S và chị Ngô Thị Minh T3 do anh S đứng tên chủ sở hữu, hiện bị cáo đã bán cho người khác, không biết họ, tên và địa chỉ nên không thu hồi được, anh S có ý kiến phần của anh xem như anh đã cho N, đối với chị T3 là chị ruột bị cáo N, nhưng hiện nay không biết địa chỉ của chị T3 ở đâu, không biết ý kiến của chị thế nào đối với bị cáo N, nên không xem xét, nếu sau này anh S chị T3 có yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ án khác.

[11] Đối với hành vi của anh Nguyễn Đình T4 là người chạy xe ba gác chở 06 bao ớt đến bán cho anh Phạm Tấn Đ2. Do cả hai anh không biết tài sản trên do bị cáo N trộm cắp mà có nên cả hai không phạm tội, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Ngô Thành N phạm tội " *Trộm cắp tài sản*";

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Xử phạt bị cáo Ngô Thành N 06 (Sáu) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án, nhưng được trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam bị cáo từ ngày 16/11/2017.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Ngô Thành N phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được Bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,

7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi ***nhận:***
- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Công an huyện Thanh Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Bùi Văn Toán